

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Phạm Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm A xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm A xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-4-2025, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02-01-2009. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau và đã sống ly thân từ năm 2022. Vợ chồng có 03 con chung là Trần Thị Yên N, sinh

ngày 31/10/2009, Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2012, Trần Gia H1, sinh ngày 27/3/2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T và chị H nhận nuôi 02 con chung Trần Thị Yến N, Trần Gia H1; không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 02-01-2009. Nay chị H có đơn ly hôn anh không đồng ý vì anh theo đạo Công giáo không được phép ly hôn; trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhận nuôi 02 con chung là Trần Duy K, Trần Gia H1; để chị H nuôi cháu Trần Thị Yến N; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại bản tự khai, cháu Trần Thị Yến N có nguyện vọng ở với mẹ; cháu Trần Duy K và Trần Gia H1 có nguyện vọng ở với bố.

Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 28-4-2025, đại diện cơ sở xã G cung cấp: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào năm 2019. Vợ chồng đã có 03 con chung Trần Thị Yến N, sinh ngày 31/10/2009, Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2012, Trần Gia H1, sinh ngày 27/3/2017; hiện không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay chị H có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T; về con chung: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 31/10/2009; giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi 02 con chung là Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2012 và Trần Gia H1, sinh ngày 27/3/2017; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G vào ngày 02-01-2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của chị H xin ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 31/10/2009, Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2012, Trần Gia H1, sinh ngày 27/3/2017. Căn cứ nguyện vọng của đương sự và để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung; vì vậy giao chị H trực tiếp nuôi con Trần Thị Yến N; giao anh T trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Duy K, Trần Gia H1; chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 31-10-2009; giao anh Trần Văn T trực tiếp nuôi con chung là Trần Duy K, sinh ngày 10/01/2012, Trần Gia H1, sinh ngày 27/3/2017; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002342 ngày 10-4-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; nay đối trừ, chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Lạc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thu Hiền

